

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /2014/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 18 tháng 7 năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 770.....
	Ngày: 24/7.....
	Chuyên: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

### NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ KHÓA VI, KỲ HỌP LẦN THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của liên Bộ Tài chính - Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3477/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Tán thành và thông qua mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế với các nội dung sau:

1. Đối tượng chịu phí, đối tượng không chịu phí và người nộp phí:

a) Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

- Hộ gia đình;

- Cơ quan nhà nước;

- Đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân);

- Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất, chế biến;

- Cơ sở: rửa ô tô, rửa xe máy, sửa chữa ô tô, sửa chữa xe máy;

- Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác;

- Các tổ chức, cá nhân và đối tượng khác có nước thải sinh hoạt xả thải ra môi trường.

b) Đối tượng không chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

- Nước xả ra từ các nhà máy thủy điện, nước tuần hoàn trong các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến không thải ra môi trường;

- Nước biển dùng vào sản xuất muối xả ra;

- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội;

- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch;

- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở các xã thuộc vùng nông thôn, bao gồm:

+ Các xã thuộc biên giới, miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa (theo quy định của Chính phủ về xã biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa) và hải đảo;

+ Các xã không thuộc đô thị đặc biệt, đô thị loại I, II, III, IV và V theo quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về phân loại đô thị.

- Nước làm mát thiết bị, máy móc không trực tiếp tiếp xúc với các chất gây ô nhiễm, có đường thoát riêng với các nguồn nước thải khác;

- Nước mưa tự nhiên chảy tràn.

c) Người nộp phí nước thải sinh hoạt:

- Người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là hộ gia đình, đơn vị, tổ chức, cá nhân có nước thải được quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết này.

- Trường hợp các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống thoát nước, đã nộp phí thoát nước thì đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt tiếp nhận được và thải ra môi trường.

## 2. Mức thu phí:

Mức thu phí được tính bằng 10% trên giá bán của 1m<sup>3</sup> (một mét khối) nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

## 3. Quản lý và sử dụng phí:

- Tỷ lệ để lại cho đơn vị cung cấp nước sạch để chi cho hoạt động tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 4% trên tổng số phí thu được

- Phần còn lại (sau khi để lại cho đơn vị cung cấp nước sạch để chi cho hoạt động tổ chức thu phí) được nộp vào ngân sách và sử dụng theo hướng dẫn tại Khoản 3, Điều 7, Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014 và thay thế Điều 2.1, Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 3h/2006/NQBT-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

## Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VI kỳ họp lần thứ 8 thông qua./.

### Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- VP: Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP và các Ban của Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh TT Huế;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX Hương Thủy, Hương Trà và TP Huế;
- Báo TT Huế, Công thông tin điện tử tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT, LT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Thiện**